TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-PT
Ngày 16-3-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng
Bà Lương Hải Yến
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc *"tranh chấp kiện đòi và chia di sản thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2023/QĐ-PT ngày 30tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐ-PT ngày 26/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957; Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và chị Lê Thị Đ, sinh năm 1985; Đều có địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. (*bà L2, anh Thành có mặt, chị Đ vắng mặt*)

Người kháng cáo: Bị đơn – bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bố đẻ của bà là cụ Nguyễn Văn Bắc, sinh năm 1932 (liệt sĩ, hi sinh ngày 29/4/1970) và mẹ đẻ của bà là cụ Đoàn Thị Tảng, sinh năm 1935 (chết ngày 23/12/2007). Cụ Bắc và cụ Tảng là vợ chồng chung sống với nhau từ khoảng năm 1955-1956 (không rõ có giấy tờ kết hôn hay không). Hai cụ sinh được 02 người con

gái gồm: bà Nguyễn Thị L2 và bà là Nguyễn Thị L1. Ngoài ra không có người con riêng, con nuôi nào khác. Các cụ thân sinh ra cụ Bắc, cụ Tảng đều đã qua đời từ lâu và trước khi hai cụ chết.

Cụ Bắc, cụ Tảng chết không để lại bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào và để lại di sản chung đó là:

Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27 (trước đây là thửa số 574, tờ bản đồ số 5, diện tích 194m^2), địa chỉ tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc VLAP năm 2010 và bản cung cấp thông tin thửa đất của Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Trang ngày 14/4/2022 là 205,1m^2 (trong đó đất ở nông thôn là 194m^2 và đất lâu năm khác là 11,1m^2). Tại kết quả đo đạc thẩm định ngày 13/7/2022 của Tòa án thửa đất có diện tích 196,2m^2 (trong đó: đất ở là 194m^2, đất lâu năm khác là 2,2m^2) giảm 8,9m^2 so với VLAP. Việc giảm này bà L1 xác định là do sai số trong đo đạc và do hiến đất làm đường thôn.

Nguồn gốc thửa đất là do cụ Bắc, cụ Tảng được nhà nước giao sử dụng theo chính sách đất đai, không phải là đất tổ tiên để lại. Trên đất có nhà gianh đến khoảng năm 1973, sau khi cụ Bắc hi sinh, cụ Tảng đã phá đi để xây lại nên không còn nhà gianh nữa. Hiện thửa đất trên đang do vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ (con trai và con dâu của bà L2) sử dụng.

Ngoài ra cụ Đoàn Thị Tảng có để lại di sản riêng gồm:

- Căn nhà cấp 4 (một tầng) 4 gian lợp ngói fiproximăng trên thửa đất ở số 230, tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang do cụ Tảng xây dựng từ năm 1973. Cụ Tảng và chị em bà sinh sống ở đó cho đến khi các bà đi xây dựng gia đình thì chỉ còn mình cụ Tảng sinh sống. Khoảng năm 1997-1998 cụ Tảng phá một gian nhà để xây dựng thành 01 gian mái bằng. Tháng 12/2007, sau khi cụ Tảng chết thì đóng cửa, chị em bà thay nhau về hương khói cho bố mẹ, tổ tiên. Đến khoảng năm 2013, con trai bà L2 là anh Nguyễn Văn T lấy người vợ thứ nhất (là chị Bùi Thị Thúy, ở thôn Khang Ninh, xã Quỳnh Trang), bà L2 có bàn với bà để cho vợ chồng anh Thành ở nhờ trên nhà đất của hai cụ, cũng là tiện thể trông nom thờ cúng nên bà nhất trí. Quan điểm của bà chỉ là cho anh Thành ở nhờ để tạo điều kiện về chỗ ở chứ không giao anh Thành quản lý di sản vì chị em bà đều còn sống, vẫn qua lại trông nom. Khi có công việc cúng giỗ, ngày tuần tự bà vẫn về ở đó và sinh hoạt (có khi hàng tuần, có khi vài tháng). Thời gian chung sống với chị Thúy, anh Thành có làm 01 công trình phụ cạnh gian mái bằng và sửa chữa ốp trần, tường nhựa, lát nền đá hoa đối với 03 gian nhà cũ. Năm 2014 anh Thành và chị Thúy ly hôn. Năm 2018 anh Thành kết hôn với chị Lê Thị Đ và tiếp tục ở trên thửa đất. Anh Thành và chị Đ có tôn sân, làm bếp ngoài sân, lợp tôn. Hiện gia đình anh Thành chị Đ vẫn ở và sử dụng nhà đất này.

- Đất ao có số thửa: 249 + 250 +251 thuộc tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã

Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích theo đo đạc VLAP là 456,6m^2. Nguồn gốc thửa đất là đất cụ Tảng được chia vào năm 1986. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 13/7/2022, thửa đất ao có tổng diện tích là 462,3m^2, chia làm 02 phần: diện tích ao là 371m^2, diện tích vườn nằm trên phần bờ ao phía đông là 91,3m^2. Tăng 5,7m^2 so với đo đạc trước đây. Việc chênh lệch này bà thừa nhận là do sai số trong đo đạc, không phải lấn chiếm, tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào. Hiện trên phần bờ ao phía Đông, bà L2 có trồng chuối, mít, xoan còn hiện trạng bờ ao (vườn) vẫn tồn tại từ khi cụ Tảng còn sống, không ai bồi đắp gì. Đất ao sau khi cụ Tảng chết, bà L2 ở gần (cùng thôn) nên quản lý, sử dụng.

- Diện tích đất vườn tạp 49m^2 thuộc thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, nguồn gốc là do trước đây cụ Tảng có 2 miếng đất ở đường bờ ao cá Bác Hồ (giáp đất ở của nhà ông Nguyễn Văn Tranh), đến năm 2007 cụ Tảng và gia đình ông Nguyễn Văn Tranh thỏa thuận đổi đất cho nhau, cụ Tảng lấy đất vườn tạp của ông Tranh là thửa đất 49m^2 nêu trên để tiện cho việc sản xuất. Việc đổi đất có lập văn bản và có xác nhận của UBND xã vào ngày 01/01/2007. Hiện phần đất vườn đang nằm chung với diện tích đất của một số hộ khác, không phân định được vị trí, ranh giới và bà L2 là người quản lý, sử dụng.

- Đất ruộng cơ bản của cụ Tảng được chia theo Quyết định 652 và 948. Năm 2021 nhà nước đã thu hồi toàn bộ cho doanh nghiệp làm dự án. Số tiền đền bù đất ruộng của cụ Tảng, bà và bà Nguyễn Thị L2 đã chia xong, bà không có ý kiến gì.

Ngoài ra cụ Bắc, cụ Tảng không để lại di sản nào khác.

Khoảng tháng 7, 8 năm 2020, khi bà đang ở cùng vợ chồng anh Thành để trông nom con giúp vợ chồng anh Thành, thì xảy ra mâu thuẫn giữa bà với bà L2 và anh Thành. Anh Thành có chửi bới, xúc phạm bà nên bà đuổi không cho anh Thành ở nữa, anh Thành đã mang đồ đạc về nhà bà L2 ở, còn bà ở lại nhà đất của cụ Bắc, cụ Tảng. Đến khoảng tháng 2/2021, lợi dụng lúc bà vắng nhà, anh Thành lại tự ý mang đồ đạc về ở đến nay. Bà về thì anh Thành và bà L2 chửi, đuổi, dọa chém không cho bà về nên từ đó bà không thể về trông nom, thờ cúng cho bố mẹ bà.

Bố mẹ bà chết đi không có di chúc để lại. Nay do mẹ con bà L2 muốn quản lý, sử dụng hết di sản của hai cụ, UBND xã Quỳnh Trang đã tiến hành hòa giải nhưng không thống nhất được nên bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ phải trả lại di sản thừa kế do cụ Bắc, cụ Tảng để lại là thửa đất và nhà trên đất tại thửa số 230, tờ bản đồ số 27, ở thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là nhà đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 17 và thửa đất ao số 249 + 250 + 251 thuộc tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, với nguyện vọng:

+ Đối với thửa số 230, tờ bản đồ số 27, bà đề nghị chia bằng hiện vật và chia dọc

thửa đất, đề nghị chia cho bà phần diện tích đất khoảng trên dưới 80m^2 ở bên có vườn; chia cho bà Nguyễn Thị L2 phần đất lớn hơn còn lại là phần hiện có nhà.

+ Đối với phần diện tích đất ao (bao gồm cả bờ ao đã tạo thành vườn), tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, bà đề nghị chia cho bà hưởng phần thừa kế bằng giá trị, bà L2 hưởng bằng hiện vật.

+ Đối với phần tài sản do Thành, chị Đ xây dựng, tu sửa trên thửa đất số 230, thì số tài sản đó nằm trên phần đất được chia của người nào thì người đó có trách nhiệm thanh toán cho anh Thành, chị Đ.

+ Về trích trả công sức quản lý di sản bà đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có chênh lệch về tài sản (phần của bà được chia ít hơn phần mà lẽ ra bà được hưởng) thì bà tự nguyện chỉ yêu cầu bà L2 thanh toán số tiền do chênh lệch kỷ phần thừa kế cho bà đúng bằng tổng số tiền mà bà phải trích trả công sức, thù lao cho người quản lý di sản và tiền bà có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Thành, chị Đ giá trị các tài sản mà anh Thành, chị Đ đã xây dựng, sửa chữa, tạo lập trên phần đất bà được chia. Ngoài ra bà L1 không yêu cầu bà L2 phải thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

+ Đối với diện tích đất vườn tạp (chưa rõ vị trí ranh giới) và số tiền bồi thường do thu hồi ruộng cơ bản của cụ Tảng (hai bà L2, L1 đã chia xong tiền bồi thường), bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức chăm sóc cụ Tảng lúc ốm đau, chi phí mai táng khi cụ Tảng chết bà không yêu cầu xem xét vì đó là trách nhiệm chung của con cái đối với mẹ.

Về kết quả thẩm định, định giá tài sản: Bà L1 hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến khiếu nại, thắc mắc gì và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá.

- Bị đơn - bà Nguyễn Thị L2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời gian mở thừa kế, diện và hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn Bắc và cụ Đoàn Thị Tảng (bố mẹ đẻ bà) như bà L1 trình bày là đúng. Bố mẹ bà chỉ sinh được 02 người con là bà và bà L1, ngoài ra không còn người con chung, con riêng nào khác. Các cụ thân sinh ra cụ Bắc, cụ Tảng đã qua đời từ lâu và trước khi cụ Bắc, cụ Tảng chết. Hai cụ Bắc, cụ Tảng chết đi không để lại di chúc và không để lại bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào.

Di sản chung cụ Bắc và cụ Tảng để lại là thửa đất số 574, tờ bản đồ số 5 nay là thửa số 230, tờ bản đồ số 27 tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, có diện tích như kết quả đo đạc thẩm định ngày 13/7/2022. Nguồn gốc là đất cụ Bắc, cụ Tảng được chia theo chính sách cải cách ruộng đất, không phải đất của tổ tiên để lại. Ngoài ra, theo bà L2 thì 02 cụ còn có di sản chung là thửa đất vườn, diện tích 49m^2 tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ.

Di sản riêng cụ Tảng để lại là 01 thửa đất ao như bà L1 khai và nhà trên thửa đất 230, tờ bản đồ số 27. Hiện nhà, đất tại thửa số 230, tờ bản đồ số 27, ở thôn A

Mễ, xã Quỳnh Trang vợ chồng anh Thành và chị Đ đang quản lý, sử dụng thờ cúng ông bà. Còn đất ao và đất vườn thì bà L2 là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà phản đối việc bà L1 khai là mẹ con bà đuổi bà L1, vì bà vẫn giao chìa khóa nhà cho bà L1 cầm. Bà cũng phản đối việc bà L1 khai rằng chỉ cho vợ chồng anh Thành ở nhờ. Thực tế chị em bà bàn bạc thống nhất cho anh Thành quản lý di sản, được tu sửa để thờ cúng ông bà lâu dài. Việc giao chỉ bằng miệng nhưng có ông Đinh Văn Dực (chồng đã ly hôn của bà L1) và cháu Đinh Thị Doan (con gái bà L1 chứng kiến). Nếu không giao anh Thành quản lý nhà đất thì không bao giờ anh Thành tu sửa và ở cho đến nay vì anh Thành cũng có chỗ ở là nhà đất tại xóm 1, thôn A Mễ (nhà đất của vợ chồng bà).

Nay bà L1 khởi kiện yêu cầu anh Thành, chị Đ phải trả lại nhà đất và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bắc, cụ Tảng, quan điểm của bà như sau:

Bà không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà L1, không nhất trí việc vợ chồng anh Thành phải trả lại nhà đất số 230 tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, không nhất trí chia di sản thừa kế của cụ Bắc cụ Tảng, đề nghị Tòa án giao toàn bộ di sản thừa kế mà cụ Bắc, cụ Tảng để lại cho bà toàn quyền quản lý, sử dụng để sau này bà giao lại cho anh Thành quản lý sử dụng như nguyện vọng của cụ Tảng lúc còn sống, bà không phải thanh toán cho bà L1. Đối với phần tài sản vợ chồng anh Thành xây dựng, tu sửa bà và vợ chồng anh Thành tự thỏa thuận. Trường hợp buộc phải chia di sản, bà L2 đề nghị xem xét giải quyết trích trả công sức bảo quản di sản, thù lao quản lý di sản, các tài sản vợ chồng anh Thành đã xây dựng sửa chữa theo quy định của pháp luật. Bà không yêu cầu trích trả công sức quản lý đất ao, không yêu cầu trích trả công sức chăm sóc cụ Tảng lúc ốm đau cũng như chi phí mai táng cho cụ Tảng khi cụ Tảng chết vì đó là trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ.

Đối với thửa đất vườn (49m^2) và số tiền đền bù đất ruộng của cụ Tảng (bà và bà L1 đã chia xong tiền đền bù), bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về kết quả thẩm định, định giá tài sản: Bà L2 nhất trí, không có ý kiến khiếu nại, thắc mắc gì.

- Bị đơn - anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thống nhất hoàn toàn với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị L2 (mẹ anh). Việc vợ chồng anh về ở nhà đất của ông bà ngoại (cụ Bắc, cụ Tảng) là được bà L2, bà L1 giao quản lý để thờ cúng ông bà chứ không phải cho anh ở nhờ. Bản thân anh không khó khăn về chỗ ở vì đã có chỗ ở phía bên nhà nội và nhà đất của bố mẹ anh ở xóm 1, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang. Mặt khác nếu thực sự phải đi ở nhờ thì vợ chồng anh đã không đầu tư, xây dựng trên đất như hiện nay.

Anh về ở trên đất của cụ Bắc, cụ Tảng tại thửa số 230, tờ bản đồ số 27 từ khoảng năm 2013. Khi đó anh lấy vợ là chị Bùi Thị Thúy, anh và chị Thúy cùng sinh sống trên nhà đất này tuy nhiên việc sửa chữa, xây dựng công trình trên thửa đất là từ tiền của riêng anh, chị Thúy không có đóng góp gì. Anh đã: Ốp trần, ốp

tường, lát nền nhà của cụ Tảng; xây mới 01 nhà tắm giáp với gian mái bằng của cụ Tảng, tổng hết khoảng 70-80 triệu đồng nhưng không có giấy tờ, chứng từ lưu lại. Sau khi ly hôn với chị Thúy và trước khi kết hôn với chị Lê Thị Đ, anh tiếp tục bắn mái tôn, làm cổng và xây tường bao. Năm 2018 anh kết hôn và chung sống với chị Đ, anh và chị Đ có chung tiền tôn sân và làm bếp đun nấu bên ngoài (dưới lán tôn) hết khoảng 15.000.000 đồng. Ngoài ra anh còn trồng một số cây cối ở sân vườn và sắm đồ dùng để sinh hoạt gia đình. Hiện nay anh và chị Đ vẫn đang ở và quản lý, sử dụng nhà đất của cụ Bắc, cụ Tảng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L1 về việc đòi lại di sản và yêu cầu chia di sản thừa kế nêu trên, anh hoàn toàn không nhất trí trả và không đồng ý chia thừa kế, đề nghị giao toàn bộ di sản của các cụ cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị L2 được hưởng, không phải trả kỷ phần cho bà L1 vì đó là ý nguyện của cụ Tảng trước khi chết (chỉ có anh và bà L2 biết, không thể hiện bằng văn bản).

Trường hợp buộc phải trả, buộc phải chia di sản anh đề nghị xem xét giải quyết trích trả công sức bảo quản di sản, thù lao quản lý di sản cũng như thanh toán giá trị các tài sản vợ chồng anh và cá nhân anh đã xây dựng, sửa chữa theo quy định của pháp luật (của anh riêng, của chị Đ riêng). Đối với các tài sản là đồ dùng sinh hoạt gia đình, các cây cối trồng trong chậu hoặc di chuyển được, anh và chị Đ tự chịu trách nhiệm, không yêu cầu giải quyết.

Về kết quả thẩm định, định giá tài sản: Anh Thành nhất trí, không có ý kiến khiếu nại, thắc mắc gì.

- Bị đơn - chị Lê Thị Đ nhất trí với ý kiến của anh Thành, bà L2 và không bổ sung gì thêm.

- Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ cung cấp:

Cụ Nguyễn Văn Bắc và cụ Đoàn Thị Tảng chung sống với nhau từ khoảng năm 1957, không có giấy tờ gì còn lưu lại về việc kết hôn của hai cụ. Hai cụ sinh được 02 người con là bà Nguyễn Thị L2 (sinh năm 1957) và bà Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1966 theo sổ đăng ký khai sinh). Cụ Bắc đi bộ đội và hi sinh năm 1970, cụ Tảng là người thường xuyên lĩnh chế độ thờ cúng liệt sĩ cho đến khi cụ Tảng qua đời (ngày 23/12/2007). Các cụ thân sinh ra cụ Bắc, cụ Tảng đã qua đời từ lâu trước khi hai cụ chết. Tại địa phương hai cụ không có con riêng, con chung nào khác.

Đối với Thửa đất ở số 574, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 230, tờ bản đồ số 27), địa chỉ tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình:

Nguồn gốc cụ thể của thửa đất trên như thế nào UBND xã không nắm rõ, nhưng cơ sở thôn A Mễ xác nhận đất có từ thời kỳ cụ Bắc, cụ Tảng chung sống. Hiện tại UBND xã chỉ còn lưu trữ sổ sách địa chính từ năm 1986 trở lại đây.

Theo Bản đồ năm 1986 và sổ mục kê năm 1986, thửa đất có số thửa 574, tờ bản đồ số 05, thôn A Mễ, diện tích đất được ghi là 194m^2, loại đất "thổ", ghi tên chủ sử dụng là "Tảng".

- Theo kết quả đo đạc VLAP năm 2010 và bản cung cấp thông tin thửa đất của UBND xã Quỳnh Trang ngày 14/4/2022, thửa đất trên có số thửa 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ thửa đất: Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, diện tích 205,1m^2. Trong đó đất ở nông thôn là 194m^2 và đất lâu năm khác là 11,1m^2. Tên chủ sử dụng là "Đoàn Thị Tảng".

- Theo kết quả đo đạc thẩm định hiện trạng của Công ty TNMT Thái Bình do Tòa án chỉ định thì diện tích thửa đất là 196,2m^2. Như vậy thửa đất bị giảm 8,9m^2 là do sai số trong đo đạc và do gia đình có hiến đất để mở rộng đường giao thông nông thôn mới. Diện tích đất bị giảm là giảm ở phần đất lâu năm khác, diện tích đất ở không thay đổi. Như vậy trong 196,2m^2 có 194m^2 là đất ở, 2,2m^2 là đất lâu năm khác.

Về số liệu diện tích đất có sự thay đổi là do sai số trong đo đạc. Đất trên không phải là đất lấn chiếm, không bị kê biên, hay thế chấp, không vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đất sử dụng ổn định, từ trước đến nay không có tranh chấp với các hộ liền kề và với tổ chức, cá nhân nào. Hiện không có hoạt động chuyển dịch. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì gia đình chưa làm thủ tục đề nghị cấp.

Trên diện tích đất này hiện có tồn tại 01 căn nhà cấp 4 từ lâu (không rõ chính xác từ bao giờ), hiện ngôi nhà đã cũ và một số công trình phụ trợ khác (chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu). Việc sửa chữa hay xây thêm công trình khác, từ thời gian nào và do ai làm địa phương không nắm được. Anh Nguyễn Văn T (con trai bà Nguyễn Thị L2) cùng vợ sử dụng nhà đất trên từ khoảng năm 2013 cho đến nay. Việc anh Thành ở trên nhà đất của cụ Tảng là do được bà L2 + bà L1 giao quản lý hay cho ở nhờ thì địa phương không được biết, các bên không có báo cáo gì với địa phương. Ngoài ra bà L2 vẫn có nhà đất riêng ở cùng thôn A Mễ.

Đối với thửa đất ao: Theo hồ sơ mục kê năm 1986, thửa đất ao này thuộc các thửa số 611+612+613+614+615, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang. Đất ao là chung của 03 hộ: ghi "Tảng + Tăng + Hợi" = 1370m^2. Trong đó của cụ Tảng được giao là 1370 : 3 = 456,6m^2 vào năm 1993. Theo Vlap đo năm 2010 thửa đất ao có số thửa: 249+250+251 thuộc tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, diện tích 456,6m^2.

Theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 13/7/2022 của đơn vị đo đạc do Tòa án chỉ định thì tổng diện tích đất ao là 462,3m^2 (trong đó diện tích ao là 371m^2, diện tích bờ ao phía đông đã bồi thành vườn là 91,3m^2), tăng 5,7m^2. Nguyên nhân của việc chênh lệch này là do sai số trong đo đạc. Các hộ gia đình có đất liền kề thửa đất ao của cụ Tảng đã cùng bà Nguyễn Thị L2 xác định ranh giới và chấp nhận theo hiện trạng đo đạc mới, không có tranh chấp gì.

Nguồn gốc thửa đất ao: UBND xã khẳng định là của cụ Tảng được chia sau khi cụ Bắc hi sinh, không phải là di sản chung của cụ Tảng với cụ Bắc. Hiện thửa đất ao

do bà Nguyễn Thị L2 (con gái cả của cụ Tảng) đang sử dụng.

Thửa đất ao chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không lấn chiếm, không kê biên, không vi phạm kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất. Hiện không có hoạt động dịch chuyển hay thế chấp ngân hàng.

Đất vườn tạp: Trước thuộc thửa số 601, tờ bản đồ số 5, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, diện tích 49m^2, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất vườn tạp: UBND xã Quỳnh Trang khẳng định là đất riêng của cụ Đoàn Thị Tảng, không phải di sản chung của cụ Tảng và cụ Bắc. Năm 1986 cụ Tảng có 2 miếng đất ở đường bờ ao cá Bác Hồ do Hợp tác xã chia, đến năm 2007 cụ Tảng và cụ Nguyễn Văn Tranh thỏa thuận đổi đất cho nhau, cụ Tảng lấy đất vườn tạp của cụ Tranh là thuộc thửa đất 601 nêu trên để tiện cho việc canh tác. Việc đổi đất có lập văn bản và có xác nhận của UBND xã vào ngày 01/01/2007. Trong văn bản đổi đất ghi diện tích 44,5m^2, nay là 49m^2 là do sai số trong đo đạc.

Theo VLAP đo đạc năm 2010 diện tích đất này nằm trong thửa số 244, tờ bản đồ số 27, thuộc thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, là thửa vườn chung của 04 người là các cụ/ông/bà: Bùi Thị Vụ, Đoàn Thị Tảng, Vũ Thị Nhuần và Nguyễn Văn Tranh. Cho đến nay các cụ/ông/bà này chưa thấy có văn bản thỏa thuận phân chia, xác định ranh giới của từng người nên chưa xác định được diện tích đất 49m^2 của cụ Tảng là ở vị trí nào của thửa đất vườn số 244, tờ bản đồ số 27.

Khi cụ Tảng còn sống, cụ Tảng quản lý, sử dụng phần đất vườn này. Sau khi cụ Tảng chết, bà Nguyễn Thị L2 (con gái cả) là người sử dụng.

Ngoài ra cụ Đoàn Thị Tảng còn có diện tích đất ruộng ngoài đồng (diện tích 460,8m^2, địa chỉ tại: Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ). Tuy nhiên cuối năm 2021 toàn bộ diện tích đất này đã bị thu hồi làm dự án nhà máy sợi nên không còn. Tiền đền bù đất, các con của cụ Tảng đã nhận đầy đủ.

- Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản, ngày 13/7/2022 thể hiện: Hiện trạng thửa đất và các tài sản trên đất đúng như các đương sự đã trình bày; giá trị 01m^2 đất ở là 6.500.000đồng/m^2; giá trị 01m^2 đất lâu năm khác là 45.000 đồng/m^2; giá trị 01m^2 đất ao là 42.000 đồng/m^2; giá trị chi tiết các tài sản trên đất các đương sự đã được thông báo đầy đủ và đều nhất trí với kết quả thẩm định, định giá.

Bản án số 13/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bìnhđã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các Điều 149, 155, 158, 163, 164, 166, 609, 611, 612, 613, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại di sản và yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L1 đối với di sản của cụ Nguyễn Văn Bắc, cụ Đoàn Thị Tảng để lại:

- Xác định di sản chung của cụ Nguyễn Văn Bắc và cụ Đoàn Thị Tảng để lại (có yêu cầu chia thừa kế) là: thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có diện tích 196,2m^2 (trong đóđất ở là 194m^2; đất lâu năm khác là 2,2m^2), tổng giá trị là: 1.261.099.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi mốt triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Xác định di sản riêng của cụ Đoàn Thị Tảng để lại (có yêu cầu chia thừa kế) gồm: 01 nhà ngói (không kể phần sửa chữa) và 01 nhà mái bằng cụ Tảng xây dựng; tổng giá trị là: 11.200.000 đồng (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng); 01 đất ao có số thửa: 249 +250 +251 thuộc tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, tổng diện tích là 462,3m^2, giá trị là: 19.416.600 đồng (Mười chín triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng).

Tổng cộng giá trị di sản hai cụ Bắc và Tảng để lại là: 1.291.715.600 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng).

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bắc và cụ Tảng là các bà: Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Thị L1.

- Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ phải trả lại di sản của cụ Bắc, cụ Tảng để lại là thửa đất và nhà trên đất (do cụ Tảng xây dựng) thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cho những người thừa kế của cụ Bắc, cụ Tảng là bà Nguyễn Thị L2 và bà Nguyễn Thị L1.

- Chấp nhận yêu cầu của bà L1 về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật; chấp nhận yêu cầu của bà L1 về việc chia bằng hiện vật đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ.

- Xử: Chia và giao cho bà Nguyễn Thị L1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 78,1m^{2}đất (loại đất ở) thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, có vị trí:

+ Phía Đông dài 4,61m giáp đất của gia đình ông Nguyễn Văn Đô.

+ Phía Tây dài 2,13m + 3,22m giáp đường thôn A Mễ.

+ Phía Nam dài 10,96m +4,61m giáp đất của gia đình ông Nguyễn Văn Lơn

+ Phía Bắc dài 16,05m giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị L2.

(Thể hiện chi tiết trong sơđồ (I) kèm theo bản án sơ thẩm).

Giao bà Nguyễn Thị L1 sở hữu các tài sản gồm: Toàn bộ cây cối trong vườn; 17 mét dài tường bao trong đó có một phần tường gắn với dậu sắt; 01 trụ cổng; thành bếp ngoài sân và hệ thống chậu vòi rửa gắn liền với thành bếp; 01 bểcá cảnh; 01 hố ga và phần sân bê tông (là các tài sản hiện tồn tại trên phần đất bà L1 được

chia).

Bà L1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn T và chị Lê ThịĐ: Giá trị các tài sản anh Thành, chị Đ đã tạo lập trên phần đất chia cho bà L1 là: 5.370.400 đồng (trong đó phần của anh Thành: 4.394.900 đồng; phần của chị Đ: 975.500 đồng) và khoản tiền thù lao, chi phí bảo quản di sản cho anh Thành, chị Đ là 15.000.000 đồng (trong đó của anh Thành là: 12.500.000 đồng; của chị Đ là 2.500.000 đồng). Tổng cộng số tiền bà L1 phải thanh toán trả cho anh Thành, chị Đ là: 20.370.400 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng), trong đó: phần của anh Thành: 16.894.900 đồng, phần của chị Đ: 3.475.500 đồng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 thanh toán chênh lệch kỷ phần thừa kế bằng tổng số tiền bà L1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Thành, chị Đ là: 20.370.400 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng). (Số tiền chênh lệch kỷ phần còn lại là 117.837.400 đồng bà L1 không yêu cầu bà L2 phải thanh toán).

Xử: Chia và giao cho bà Nguyễn Thị L2 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất ao có số thửa: 249 +250 +251 thuộc tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, tổng diện tích đo đạc theo hiện trạng là 462,3m^2 (trong đó diện tích ao là 371m^2, diện tích bờ ao phía Đông đã bồi thành vườn là 91,3m^2), có vị trí:

+ Phía Đông dài 15,33m+4,03m + 8,33m giáp đất của gia đình ông Bùi Xuân Châu.

+ Phía Tây dài 15,55m +9,19m giáp đất của gia đình bà Phạm Thị Nhiên.

+ Phía Nam dài 14,41m giáp đất của gia đình ông Đỗ Văn Thơ.

+ Phía Bắc dài 13,96m +7,79m giáp đường giao thông (bờ mương cũ).

(Thể hiện chi tiết trong sơđồ (II) kèm theo bản án sơ thẩm).

Bà L2 được quyền sở hữu toàn bộ cây cối bà L2 trồng trên phần bờ ao phía Đông (đã bồi thành vườn).

- Chia và giao cho bà Nguyễn Thị L2 được quyền quản lý, sử dụng 118,1m^2đất (trong đóđất ở: 115,9m^2; đất lâu nằm khác: 2,2m^2) thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, có vị trí:

+ Phía Đông dài 4,60m giáp đất của gia đình ông Nguyễn Văn Đô

+ Phía Tây dài 0,51m + 8,29m giáp đường thôn

+ Phía Nam dài 16,05m giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị L1

+ Phía Bắc dài 10,77m + 2,44m + 2,68m + 0,73m + 3,52m giáp đất của gia đình bà Nguyễn Thị Sách.

(Thể hiện chi tiết trong sơđồ (I) kèm theo bản án sơ thẩm).

Giao bà Nguyễn Thị L2 sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà mái ngói xi măng và 01 nhàở một tầng mái bằng là di sản cụĐoàn Thị Tảng để lại; 01 công trình phụ một

tầng mái bằng; một phần sân bê tông, 01 trụ cổng, tường bao, dậu sắt cùng cây cối hiện tồn tại trên phần đất bà L2 được chia; 01 mái chống nóng lợp tôn 67,2m và 01 bộ cánh cổng sắt là các tài sản do anh Thành, chị Đ tu sửa, tạo lập.

Bà L2 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời phần mái chống nóng lợp tôn và 01 cánh cổng sắt trên phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L1.

Bà L2 có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn T và chị Lê ThịĐ: Giá trị các tài sản anh Thành, chị Đ đã tu sửa, tạo lập trên phần đất chia cho bà L2 là: 38.415.664 đồng, trong đó: phần của anh Thành: 38.091.164 đồng; phần của chị Đ: 324.500 đồng và khoản tiền thù lao, chi phí bảo quản di sản cho anh Thành, chị Đ là 15.000.000 đồng (trong đó của anh Thành là: 12.500.000 đồng; của chị Đ là 2.500.000 đồng). Tổng cộng số tiền bà L2 phải thanh toán trả cho anh Thành, chị Đ là 53.415.664 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi tưđồng), trong đó: phần của anh Thành: 50.591.164 đồng, phần của chị Đ: 2.824.500 đồng.

- Bà L2 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L1 khoản tiền do chênh lệch kỷ phần mà bà L1 yêu cầu là: 20.370.400 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

- Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ được sở hữu số tiền giá trị tài sản anh Thành, chị Đ tu sửa, tạo lập trên thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và tiền thù lao, chi phí quản lý, bảo quản di sản do các bà Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Thị L1 thanh toán gồm: số tiền bà L2 phải thanh toán là 53.415.664 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi tưđồng), trong đó: phần của anh Thành: 50.591.164 đồng, phần của chị Đ: 2.824.500 đồng; số tiền bà L1 phải thanh toán là 20.370.400 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng), trong đó: phần của anh Thành: 16.894.900 đồng, phần của chị Đ: 3.475.500 đồng.

- Anh Thành, chị Đ có trách nhiệm di dời các tài sản hiện đang tồn tại trên thửa số 230, tờ bản đồ số 27, thuộc thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình gồm: đồ dùng sinh hoạt gia đình, cây cối (trồng trong chậu cảnh hoặc có thể di chuyển được) và các tài sản khác không nằm trong các tài sản đã giao cho bà L1, bà L2 sở hữu, sử dụng.

- Không chia di sản thừa kế đối với thửa đất vườn có diện tích 49m^2, hiện nằm chung trong thửa số 244, tờ bản đồ số 27, thuộc thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và số tiền đền bù do thu hồi đất ruộng của cụ Tảng (các đương sự đã chia xong tiền đền bù) do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ

kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không nhất trí với việc bà L1 yêu cầu đòi lại phần di sản thừa kế và chia phần di sản thừa kế mà anh Thành và chị Đ đang quản lý, sử dụng vì trước khi qua đời cụ Tảng có nói để lại mảnh đất này để thờ cúng, không được bán, không được chia và không được đổi cho ai, để lại cho anh Thành tu sửa nhà cửa để hương khói cho ông bà. Được sự nhất trí của bà L2 và bà L1, anh Thành đã xuống ở tu sửa nhà cửa và thời cúng ông bà từ năm cụ Tảng qua đời cho đến nay. Từ khi anh Thành và chị Đ cưới nhau, anh chị đã tu sửa, mua sắm thêm đồ dùng để có chỗ thời cúng ông bà chu tất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L2, anh Thành vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm : Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm , Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng ; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự , không chấp nhận phần kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ làm trong thời hạn luật định , đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó được thụ lý và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn Bắc hi sinh ngày 29/4/1970, cụ Đoàn Thị Tảng chết ngày 23/12/2007. Ngày 25/3/2022, bà Nguyễn Thị L2 khởi kiện đòi lại di sản và yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ. Căn cứ vào Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên được xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế, phần di sản của cụ Nguyễn Văn Bắc đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, tuy nhiên các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên vẫn được tiếp tục xem xét giải quyết. Đối với phần di sản của cụ Tảng để lại, chưa hết 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế (ngày 23/12/2007) nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống giữa cụ Bắc, cụ Tảng và nguồn gốc di sản, tài sản:

[2.2.1] Về quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống: Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, cụ Nguyễn Văn Bắc và cụ Đoàn Thị Tảng chung sống với nhau từ khoảng năm 1957, tuy không còn lưu giữ giấy tờ gì về việc kết hôn nhưng là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận. Hai cụ có 02 người con chung là bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị L1 và không có con chung, con riêng nào khác. Các cụ thân sinh ra cụ Bắc, cụ Tảng đều đã qua đời từ lâu và trước khi cụ Bắc, cụ Tảng qua đời. Do vậy, bà L1 và bà L2 là người thừa kế di sản của cụ Bắc, cụ Tảng để lại.

[2.2.2] Về di sản thừa kế:

- Đối với thửa đất số 574, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 230, tờ bản đồ số 27), tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, diện tích theo kết quả đo đạc thẩm định là 196,2m^2 (trong đó đất ở là 194m^2; đất lâu năm khác là 2,2m^2). Nguồn gốc đất được các đương sự và thôn A Mễ thừa nhận là của cụ Bắc và cụ Tảng để lại nên mặc dù các giấy tờ địa chính như bản đồ, sổ mục kê chỉ còn lưu giữ được từ năm 1986 đến nay và chỉ ghi tên cụ Tảng nhưng xác định là di sản chung của hai cụ để lại. Theo kết quả định giá, đất ở: 194m^2 x 6.500.000đ/m^2 = 1.261.000.000 đồng; đất lâu năm khác: 2,2m^{2}x 45.000đ/m^2 = 99.000 đồng; tổng giá trị thửa đất là 1.261.099.000 đồng.

- Ngôi nhà ngói (không kể phần sửa chữa) do cụ Tảng xây dựng từ năm 1973 (sau khi cụ Bắc chết) và 01 gian mái bằng cụ Tảng xây dựng vào khoảng năm 1997 trên thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27 nên được xác định là di sản riêng của cụ Tảng để lại. Theo định giá: Giá trị ngôi nhà ngói (không bao gồm phần sửa chữa) là 2.000.000 đồng; giá trị gian mái bằng là 9.200.000 đồng; tổng giá trị nhà của cụ Tảng 11.200.000 đồng.

- Ngoài ra cụ Tảng còn để lại 01 đất ao có số thửa: 249 +250 +251 thuộc tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, tổng diện tích theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 13/7/2022 là 462,3m^2 (trong đó diện tích ao là 371m^2, diện tích bờ ao phía đông đã bồi thành vườn là 91,3m^2). Nguồn gốc đất ao là cụ Tảng được chia vào năm 1993 nên là di sản riêng của cụ Tảng. Giá trị diện tích đất ao: 462,3m^2 x 42.000 đồng = 19.416.600 đồng.

Như vậy tổng cộng giá trị di sản (cả chung và riêng) hai cụ Bắc và Tảng để lại là: 1.261.099.000 + 11.200.000 + 19.416.600 = **1.291.715.600 đồng**.

[2.3] Về xác định hàng thừa kế, kỷ phần thừa kế và yêu cầu kiện đòi di sản:

Cụ Bắc hi sinh năm 1970, cụ Tảng chết năm 2007, thời điểm mở thừa kế của hai cụ tuy khác nhau song hai cụ chỉ có 02 người con là bà L2 và bà L1, ngoài ra không còn người con chung, con riêng nào khác, bố mẹ hai cụ đã chết trước khi các cụ qua đời nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế tính đến thời điểm mở thừa kế sau cùng (khi cụ Tảng chết nằm 2007) chỉ gồm bà L2 và bà L1 là có căn cứ. Hai cụ chết đi không để lại di chúc nên di sản để lại được chia theo pháp luật. Do vậy bà L2, bà L1 mỗi người sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế bằng nhau: mỗi kỷ phần

thừa kế gồm: 97m^2 đất ở (trị giá 630.500.000 đồng); 1,1m^2 đất lâu năm (trị giá 49.500 đồng); 231,15m^2 đất ao (trị giá 9.708.300 đồng) và 1/2 phần nhà cụ Tảng xây dựng (trị giá 5.600.000 đồng), tương đương giá trị mỗi kỷ phần là 1.291.715.600 đồng : 2 = 645.857.800 đồng.

Bà L1 cho rằng chỉ cho vợ chồng anh Thành, chị Đ ở nhờ trên nhà đất của cụ Bắc, cụ Tảng mà không giao quản lý, sử dụng. Bà L2, anh Thành và chị Đ kháng cáo, cho rằng trước khi qua đời cụ Tảng có nói để lại mảnh đất này để thờ cúng, không được bán, không được chia và không được đổi cho ai, để lại cho anh Thành tu sửa nhà cửa để hương khói cho ông bà. Tuy nhiên, bà L2, anh Thành và chị Đ không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện ý chí của các cụ hoặc văn bản của những người thừa kế thống nhất tặng cho đất cho anh Thành. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà L2, anh Thành và chị Đ là không có căn cứ.

Xét thấy, anh Thành cùng vợ (chị Đ) đã có công trông nom, bảo quản di sản từ năm 2013 đến nay (đối với chị Đ là từ năm 2018 đến nay), có sự đồng ý, thống nhất của bà L2 và bà L1. Đối chiếu với quy định tại Điều 616 Bộ luật dân sự thì anh Thành, chị Đ được xác định là người được những người thừa kế thỏa thuận cử ra để quản lý di sản, do vậy anh Thành, chị Đ có nghĩa vụ giao lại di sản theo yêu cầu của người thừa kế theo đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 617 Bộ luật dân sự. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kiện đòi di sản của bà L1 đối với anh Thành, chị Đ; xem xét, trích trả công sức, thù lao, chi phí bảo quản di sản cho anh Thành, chị Đ với tổng số tiền 30.000.000 đồng (phần của anh Thành: 25.000.000 đồng, phần của chị Đ: 5.000.000 đồng) là có căn cứ và hợp pháp.

Đối với bà Nguyễn Thị L2 là người thừa kế đang quản lý di sản là thửa đất ao, tuy nhiên quá trình quản lý bà L2 không bồi đắp, không nuôi trồng thủy sản, chỉ trồng một số khóm chuối, cây xoan, cấy mít ở phần bờ phía Đông (vườn) và tự khai thác hoa lợi, bà L2 không yêu cầu trích trả chi phí bảo quản đối với di sản này nên không xem xét trích trả chi phí bảo quản di sản cho bà L2.

Căn cứ Điều 658 Bộ luật dân sự, thì khoản tiền trả chi phí bảo quản di sản cho vợ chồng anh Thành, chị Đ là tiền được ưu tiên thanh toán nên giá trị thực tế kỷ phần mà mỗi bà (L2, L1) được hưởng sau khi đối trừ với khoản tiền trích trả công sức, thù lao, chi phí bảo quản di sản cho anh Thành, chị Đ là: 645.857.800 - (30.000.000 đồng : 2) = 630.857.800 đồng.

[2.4] Về cách thức chia, giao di sản thừa kế:

Xét thấy, hiện trạng di sản có thể chia bằng hiện vật. Bà L1 có nguyện vọng được nhận thừa kế khoảng 80m^2 (bên phần không có nhà) tại thửa số 230, tờ bản đồ số 27, còn lại bà xin được nhận bằng giá trị. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thực địa thửa đất, chia cho bà L1 được hưởng 78,1m^2 đất ở (phần có vườn) trị giá 507.650.000 đồng; chia cho bà L2 sử dụng 118,1m^2 thuộc phần đất có nhà ở (trong đó đất ở là 115,9m^2; đất lâu năm khác là 2,2m^2), tương đương giá trị đất

753.449.000 đồng và sở hữu toàn bộ phần nhà ở là di sản của cụ Tảng để lại (11.200.000 đồng); Đối với thửa đất ao 462,3m^2, trị giá 19.416.600 đồng bà L2 đang quản lý, khai thác, bà L1 không có nhu cầu nhận bằng hiện vật nên giao cho bà L2 được quyền sử dụng là phù hợp, bà L2 có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà L1 ở phần đất này.

Như vậy tổng giá trị phần bà L1 được chia là 507.650.000 đồng; tổng giá trị phần bà L2 được chia là: 753.449.000 đồng + 11.200.000 đồng + 19.416.600 đồng = 784.065.600 đồng. Về nguyên tắc bà L2 phải trả chênh lệch kỷ phần cho bà L1 là: 645.857.800 đồng - 507.650.000 đồng = 138.207.800 đồng.

Ngoài ra hai bà còn phải thanh toán cho vợ chồng anh Thành, chị Đ giá trị còn lại của các tài sản mà anh Thành, chị Đ đã sửa chữa, tạo lập hiện đang tồn tại trên phần đất được chia của từng người, có tổng giá trị là: 43.786.900 đồng. Cụ thể như sau:

- *Phần tài sản anh Thành sửa chữa, xây dựng, tạo lập (đã được định giá và các bên thống nhất) gồm:*

+ Phần gia cố, sửa chữa nhà của cụ Tảng gồm: Ốp trần, ốp tường, trát lại nhà và lát nền: 3.500.000 đồng.

+01 nhà công trình phụ mái bằng 17m^2: 24.300.000 đồng

+01 mái tôn 67,2m^2: 7.500.000 đồng

+ 1/2 giá trị sân bê tông diện tích 123,3m^2: 800.000 đồng

+ 1/2 giá trị thành bếp ngoài sân 1m^3: 250.000 đồng

+ 1/2 giá trị vòi, ống nước + chậu rửa =250.000 đồng

+ 01 bể cá cảnh 0,5m^3: 200.000 đồng

+ 02 cánh cổng sắt và dậu sắt (khối lượng: 14,5m^2): 1.600.000 đồng

+ Trụ cổng và tường bao tổng 29,5m (tính mét dài): 1.750.000 đồng

+ Hố ga 02m^3: 250.000 đồng

+ Cây cối (không bao gồm các cây trồng trong chậu cảnh hoặc có thể di chuyển được): 1.782.400 +304.500 = 2.086.900 đồng.

Tổng cộng là: 42.486.900 đồng.

- *Phần tài sản chị Đ xây dựng gồm:*

+ 1/2 giá trị sân bê tông diện tích 123,3m^2: 800.000 đồng

+ 1/2 giá trị thành bếp ngoài sân 1m^3: 250.000 đồng

+ 1/2 giá trị vòi, ống nước + chậu rửa = 250.000 đồng

Tổng cộng là: 1.300.000 đồng.

- Do đó bà Nguyễn Thị L1 được quyền sở hữu các tài sản mà chị Đ, anh Thành tạo lập trên diện tích đất chia cho bà sử dụng đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho anh Thành, chị Đ giá trị các tài sản này, cụ thể:

+ Giá trị các cây cối trên phần đất bà L1 được chia: 1.782.400 đồng

+17 mét dài tường bao + trụ cổng: 1.008.000 đồng

+ Dậu sắt: 1,62m^2 = 179.000 đồng

+ Thành bếp ngoài sân: 500.000 đồng (trong đó phần của anh Thành: 250.000 đồng, phần của chị Đ: 250.000 đồng).

+ Hệ thống chậu vòi rửa: 500.000 đồng (trong đó phần của anh Thành: 250.000 đồng, phần của chị Đ: 250.000 đồng).

+ Bể cá cảnh: 200.000 đồng

+ Hố ga: 250.000 đồng

+ 73,3m^2 sân bê tông: 951.000 đồng (trong đó phần của anh Thành: 475.500 đồng, phần của chị Đ: 475.500 đồng)

(Riêng 01 cánh cổng sắt và 01 phần mái chống nóng trên phần đất bà L1 được chia, giao cho bà L2 được quyền sở hữu và bà L2 có trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển).

Tổng số tiền bà L1 phải thanh toán giá trị tài sản cho anh Thành, chị Đ là: 5.370.400 đồng (trong đó phần của anh Thành: 4.394.900 đồng; phần của chị Đ: 975.500 đồng).

- Bà Nguyễn Thị L2 được quyền sở hữu các tài sản mà chị Đ, anh Thành tạo lập trên diện tích đất chia cho bà sử dụng đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho anh Thành, chị Đ giá trị các tài sản này, cụ thể:

+ Giá trị cây cối trên phần đất được chia (gồm khóm trúc (6 cây) và giàn đậu biếc 04m): 304.500 đồng

+ Phần gia cố, sửa chữa nhà của cụ Tảng gồm ốp trần, ốp tường, trát lại nhà và lát nền: 3.500.000 đồng.

+ 01 nhà công trình phụ mái bằng 17m^2: 24.300.000 đồng

+ 01 mái tôn 67,2m^2: 7.500.000 đồng (gồm cả phần mái tôn bên phần đất chia cho bà L1)

+ 50m^2 sân bê tông: 649.000 đồng (trong đó phần của anh Thành: 324.500 đồng, phần của chị Đ: 324.500 đồng)

+ Bộ cổng sắt 6,58m^2 x110.300đ/m^2= 725.774 đồng (gồm cả 01 cánh cổng trên phần đất chia cho bà L1).

+6,3m^2 dậu sắt: 694.890 đồng

+12,5 mét dài tường bao + trụ cổng: 741.500 đồng

Tổng số tiền bà L2 phải thanh toán giá trị tài sản cho anh Thành, chị Đ là: 38.415.664 đồng (trong đó phần của anh Thành: 38.091.164 đồng; phần của chị Đ: 324.500 đồng).

Ngoài ra bà L1, bà L2 mỗi người phải trích trả thù lao, chi phí bảo quản di sản cho vợ chồng anh Thành chị Đ là 15.000.000 đồng (trong đó của anh Thành là: 12.500.000 đồng; của chị Đ là 2.500.000 đồng).

Như vậy: Tổng cộng bà L1 phải trả cho anh Thành, chị Đ: 5.370.400 đồng + 15.000.000đồng = 20.370.400 đồng (trong đó: phần của anh Thành: 16.894.900

đồng, phần của chị Đ: 3.475.500 đồng); Tổng cộng bà L2 phải thanh toán trả cho anh Thành, chị Đ: 38.415.664đồng + 15.000.000đồng = 53.415.664 đồng (trong đó: phần của anh Thành: 50.591.164đồng, phần của chị Đ: 2.824.500 đồng).

Về nguyên tắc số tiền bà L2 phải trả tiền chênh lệch kỷ phần thừa kế cho bà L1 là 138.207.800 đồng. Tuy nhiên bà L1 tự nguyện chỉ yêu cầu bà L2 thanh toán trả chênh lệch kỷ phần cho bà đúng bằng số tiền bà phải thanh toán cho anh Thành, chị Đ là: 20.370.400 đồng (trong đó: phần của anh Thành: 16.894.900 đồng, phần của chị Đ: 3.475.500 đồng). Xét số tiền bà L1 yêu cầu bà L2 trả chênh lệch kỷ phần thấp hơn nhiều so với số tiền thực tế bà L2 lẽ ra phải trả nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[2.5] Đối với di sản của cụ Tảng là thửa đất vườn 49m^2, hiện nằm trong thửa số 244, tờ bản đồ số 27, thuộc thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết; Khoản tiền đền bù do thu hồi đất ruộng của cụ Tảng các bà L1, L2 đã nhận và chia tiền đền bù xong, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩmkhông đặt ra giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Đối với cây cối bà L2 trồng trên phần bờ phía đông (vườn) của thửa đất ao (có giá trị theo kết quả định giá: 2.356.600 đồng) là tài sản riêng của bà L2, do thửa đất ao được chia cho bà L2 sử dụng nên bà L2 tự chịu trách nhiệm đối với các tài sản này. Bà L2 không yêu cầu phải trích trả công sức quản lý di sản đối với thửa đất ao nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Đối với chị Bùi Thị Thúy là vợ cũ của anh Thành đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 110/2013/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Kết quả xác minh có căn cứ xác định chị Thúy không có tài sản chung với anh Thành, không có công sức cùng anh Thành tu sửa, tạo lập tài sản gì trên thửa đất có tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Thúy vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ của chị Thúy trong vụ án này là phù hợp.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bà L2, anh Thành và chị Đ không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại di sản và yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L1 đối với di sản của cụ Bắc, cụ Tảng để lại; Buộc anh Thành và chị Đ phải trả lại di sản của cụ Bắc, cụ Tảng để lại cho bà L2 và bà L1; chia di sản thừa kế theo pháp luật bằng hiện vật đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ; buộc bà L2 thanh toán cho anh Thành, chị Đ, bà L1; buộc anh Thành chị Đ di dời các tài sản không nằm trong các tài sản đã giao

cho bà L1, bà L2 sở hữu, sử dụng; không chia di sản thừa kế đối với thửa đất vườn có diện tích 49m^2, hiện nằm chung trong thửa số 244 và số tiền đền bù do thu hồi đất ruộng của cụ Tảng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L2, anh Thành và chị Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tại phiên tòa xét xử phúc thẩm là phù hợp và đúng pháp luật.

[3]Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ không được chấp nhận nên bà L2, anh Thành và chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị L2 là con của liệt sĩ nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị L1 nhận chịu toàn bộ tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản. Bà L1 đã nộp xong nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự ; Điều 24; khoản 1 Điều 29Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các Điều 149, 155, 158, 163, 164, 166, 609, 611, 612, 613, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại di sản và yêu cầu chia di sản thừa kếcủa bà Nguyễn Thị L1 đối với di sản của cụ Nguyễn Văn Bắc, cụ Đoàn Thị Tảng để lại:

- Xác định di sản chung của cụ Nguyễn Văn Bắc và cụ Đoàn Thị Tảng để lại (có yêu cầu chia thừa kế) là: thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có diện tích 196,2m^2 (trong đó đất ở là 194m^2; đất lâu năm khác là 2,2m^2), tổng giá trị là: 1.261.099.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi mốt triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Xác định di sản riêng của cụ Đoàn Thị Tảng để lại (có yêu cầu chia thừa kế)

gồm: 01 nhà ngói (không kể phần sửa chữa) và 01 nhà mái bằng cụ Tảng xây dựng; tổng giá trị là: 11.200.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm nghìn đồng*); 01 đất ao có số thửa: 249 +250 +251 thuộc tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, tổng diện tích là 462,3m^2, giá trị là: 19.416.600 đồng (*Mười chín triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng*).

Tổng cộng giá trị di sản hai cụ Bắc và Tảng để lại là: 1.291.715.600 đồng (*Một tỷ hai trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng*).

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bắc và cụ Tảng là các bà: Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Thị L1.

- Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ phải trả lại di sản của cụ Bắc, cụ Tảng để lại là thửa đất và nhà trên đất (do cụ Tảng xây dựng) thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cho những người thừa kế của cụ Bắc, cụ Tảng là bà Nguyễn Thị L2 và bà Nguyễn Thị L1.

- Chấp nhận yêu cầu của bà L1 về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật; chấp nhận yêu cầu của bà L1 về việc chia bằng hiện vật đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ.

- **Xử**: Chia và giao cho bà Nguyễn Thị L1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 78,1m^2 đất (loại đất ở) thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, có vị trí:

+ Phía Đông dài 4,61m giáp đất của gia đình ông Nguyễn Văn Đô.

+ Phía Tây dài 2,13m + 3,22m giáp đường thôn A Mễ.

+ Phía Nam dài 10,96m +4,61m giáp đất của gia đình ông Nguyễn Văn Lơn

+ Phía Bắc dài 16,05m giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị L2.

(Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án)

Giao bà Nguyễn Thị L1 sở hữu các tài sản gồm: Toàn bộ cây cối trong vườn; 17 mét dài tường bao trong đó có một phần tường gắn với dậu sắt; 01 trụ cổng; thành bếp ngoài sân và hệ thống chậu vòi rửa gắn liền với thành bếp; 01 bể cá cảnh; 01 hố ga và phần sân bê tông (là các tài sản hiện tồn tại trên phần đất bà L1 được chia).

Bà L1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ: Giá trị các tài sản anh Thành, chị Đ đã tạo lập trên phần đất chia cho bà L1 là: 5.370.400 đồng (trong đó phần của anh Thành: 4.394.900 đồng; phần của chị Đ: 975.500 đồng) và khoản tiền thù lao, chi phí bảo quản di sản cho anh Thành, chị Đ là 15.000.000 đồng (trong đó của anh Thành là: 12.500.000 đồng; của chị Đ là 2.500.000 đồng). Tổng cộng số tiền bà L1 phải thanh toán trả cho anh Thành, chị Đ là: 20.370.400 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng*), trong đó: phần của anh Thành: 16.894.900 đồng, phần của chị Đ: 3.475.500 đồng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L2

thanh toán chênh lệch kỷ phần thừa kế bằng tổng số tiền bà L1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Thành, chị Đ là: 20.370.400 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng*). Số tiền chênh lệch kỷ phần còn lại là 117.837.400 đồng bà L1 không yêu cầu bà L2 phải thanh toán.

Xử: Chia và giao cho bà Nguyễn Thị L2 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất ao có số thửa: 249 +250 +251 thuộc tờ bản đồ số 27, thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, tổng diện tích đo đạc theo hiện trạng là 462,3m^2 (trong đó diện tích ao là 371m^2, diện tích bờ ao phía Đông đã bồi thành vườn là 91,3m^2), có vị trí:

+ Phía Đông dài 15,33m+4,03m + 8,33m giáp đất của gia đình ông Bùi Xuân Châu.

+ Phía Tây dài 15,55m +9,19m giáp đất của gia đình bà Phạm Thị Nhiên.

+ Phía Nam dài 14,41m giáp đất của gia đình ông Đỗ Văn Thơ.

+ Phía Bắc dài 13,96m +7,79m giáp đường giao thông (bờ mương cũ).

(Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án)

Bà L2 được quyền sở hữu toàn bộ cây cối bà L2 trồng trên phần bờ ao phía Đông (đã bồi thành vườn).

- Chia và giao cho bà Nguyễn Thị L2 được quyền quản lý, sử dụng 118,1m^{2}đất (trong đóđất ở: 115,9m^2; đất lâu nằm khác: 2,2m^2) thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, có vị trí:

+ Phía Đông dài 4,60m giáp đất của gia đình ông Nguyễn Văn Đô

+ Phía Tây dài 0,51m + 8,29m giáp đường thôn

+ Phía Nam dài 16,05m giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị L1

+ Phía Bắc dài 10,77m + 2,44m + 2,68m + 0,73m + 3,52m giáp đất của gia đình bà Nguyễn Thị Sách.

(Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án)

Giao bà Nguyễn Thị L2 sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà mái ngói xi măng và 01 nhàở một tầng mái bằng là di sản cụ Đoàn Thị Tảng để lại; 01 công trình phụ một tầng mái bằng; một phần sân bê tông, 01 trụ cổng, tường bao, dậu sắt cùng cây cối hiện tồn tại trên phần đất bà L2 được chia; 01 mái chống nóng lợp tôn 67,2m và 01 bộ cánh cổng sắt là các tài sản do anh Thành, chị Đ tu sửa, tạo lập.

Bà L2 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời phần mái chống nóng lợp tôn và 01 cánh cổng sắt trên phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L1.

Bà L2 có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ: Giá trị các tài sản anh Thành, chị Đ đã tu sửa, tạo lập trên phần đất chia cho bà L2 là: 38.415.664 đồng, trong đó: phần của anh Thành: 38.091.164 đồng; phần của chị Đ: 324.500 đồng và khoản tiền thù lao, chi phí bảo quản di sản cho anh Thành, chị Đ là 15.000.000 đồng (trong đó của anh Thành là: 12.500.000 đồng; của chị Đ là

2.500.000 đồng). Tổng cộng số tiền bà L2 phải thanh toán trả cho anh Thành, chị Đ là 53.415.664 đồng (*Năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi tư đồng*), trong đó: phần của anh Thành: 50.591.164 đồng, phần của chị Đ: 2.824.500 đồng.

- Bà L2 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L1 khoản tiền do chênh lệch kỷ phần mà bà L1 yêu cầu là: 20.370.400 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng*).

- Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ được sở hữu số tiền giá trị tài sản anh Thành, chị Đ tu sửa, tạo lập trên thửa đất số 230, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và tiền thù lao, chi phí quản lý, bảo quản di sản do các bà Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Thị L1 thanh toán gồm: số tiền bà L2 phải thanh toán là 53.415.664 đồng (*Năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi tư đồng*), trong đó: phần của anh Thành: 50.591.164 đồng, phần của chị Đ: 2.824.500 đồng; số tiền bà L1 phải thanh toán là 20.370.400 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng*), trong đó: phần của anh Thành: 16.894.900 đồng, phần của chị Đ: 3.475.500 đồng.

- Anh Thành, chị Đ có trách nhiệm di dời các tài sản hiện đang tồn tại trên thửa số 230, tờ bản đồ số 27, thuộc thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình gồm: đồ dùng sinh hoạt gia đình, cây cối (trồng trong chậu cảnh hoặc có thể di chuyển được) và các tài sản khác không nằm trong các tài sản đã giao cho bà L1, bà L2 sở hữu, sử dụng.

- Không chia di sản thừa kế đối với thửa đất vườn có diện tích 49m^2, hiện nằm chung trong thửa số 244, tờ bản đồ số 27, thuộc thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và số tiền đền bù do thu hồi đất ruộng của cụ Tảng (các đương sựđã chia xong tiền đền bù) do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị L2 được miễn áp phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T phải nộp 3.374.000 đồng (*Ba triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lê Thị Đ phải nộp 315.000 đồng (*Ba trăm mười lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị

L2; anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với tổng số tiền 600.000 đồng anh Thành và chị Đ đã nộp tại Biên lai số 0004836 và 0004834 ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, anh Thành và chị Đ đã chấp hành xong nghĩa vụ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 16/3/2023.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Luân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Thẩm phán

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Luân

Nguyễn Thị Kim Hằng **Lương Hải Yến**